

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thống kê đất đai trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2020**

*Căn cứ Văn bản số 83/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2020.*

Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo báo cáo thống kê đất đai trên địa bàn huyện năm 2020 như sau:

## **I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU**

### **1. Công tác chỉ đạo**

Thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Quản lý đất đai xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ địa chính các xã, thị trấn thực hiện công tác thống kê đất đai tính đến thời điểm 31/12/2020 theo đúng quy định.

### **2. Thời gian thực hiện thống kê đất đai cấp huyện**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **3. Phương pháp thu thập số liệu**

- Tài liệu thống kê đất đai năm 2018, tài liệu kiểm kê đất đai trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2019.

- Tài liệu các dự án đã thực thi có trên địa bàn huyện.

- Các tài liệu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt.

- Kết quả thống kê hàng năm; trích đo địa chính khu đất.

- Biểu thống kê, kiểm kê đất đai của huyện được thu thập, tổng hợp trực tiếp từ biểu thống kê, kiểm kê đất đai 2019; số liệu này được đối soát trên bản đồ nền, bản đồ ảnh vệ tinh và được rà soát với thực địa.

- Số liệu thống kê đất đai được tính toán trên kết quả so sánh, tổng hợp trên các tài liệu thu thập được tại địa bàn; kết quả tổng hợp kiểm kê, thống kê đất đai phù hợp với hiện trạng quản lý và sử dụng đất tại địa phương.

## **II. THUYẾT MINH KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI**

### **1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2020**

Năm 2020, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 113.542,27 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 110.020,33 ha, chiếm 96,9% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Đất phi nông nghiệp: 2.128,41 ha, chiếm 1,87% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Đất chưa sử dụng: 1.393,53 ha, chiếm 1,23% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

*(Chi tiết tại Biểu 01-TKĐĐ kèm theo)*

### 1.1. Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp

Năm 2020, diện tích đất nông nghiệp của huyện có 110.020,33 ha, chiếm 96,9% tổng diện tích tự nhiên của huyện, được phân bổ như sau:

1.1.1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: 66.226,17 ha, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 62.170,51 ha.

+ Đất trồng lúa: 8.584,35 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 53.586,16 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 4.055,65 ha.

1.1.2. Diện tích đất lâm nghiệp: 43.293,85 ha, trong đó:

- Đất rừng sản xuất: 9.348,71 ha;

- Đất rừng phòng hộ: 33.945,14 ha.

1.1.3. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 404,32 ha.

1.1.4. Diện tích đất nông nghiệp khác: 95,99 ha.

*(Chi tiết tại Biểu 02-TKĐĐ kèm theo)*

### 1.2. Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện 2.128,41 ha, chiếm 1,87% tổng diện tích tự nhiên của huyện, được phân bổ như sau:

1.2.1. Đất ở: 746,51 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 696,92 ha;

- Đất ở tại đô thị: 49,58 ha.

1.2.2. Đất chuyên dùng: 954,21 ha, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 14,18 ha;

- Đất quốc phòng: 13,66 ha;

- Đất an ninh: 3,7 ha;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 73,58 ha;

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 194,94 ha;

- Đất có mục đích công cộng: 654,15 ha.

1.2.3. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ NHT: 121,58 ha.

1.2.4. Đất sông sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 305,9 ha.

1.2.5. Đất phi nông nghiệp khác: 0,21 ha.

*(Chi tiết tại Biểu 03/TKĐĐ kèm theo)*

1.3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng

Năm 2020, đất chưa sử dụng huyện còn 1.393,53 ha, chiếm 1,23% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó:

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng: 10,44 ha;

- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng: 1.326,25 ha;

- Núi đá không có rừng cây: 56,84 ha.

*(Chi tiết tại Biểu 01/TKĐĐ kèm theo)*

## **2. Tình hình biến động đất đai**

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện tính đến 31/12/2020 là 113.542,27 ha, không biến động so với năm 2019.

2.1. Biến động về mục đích sử dụng đất từ 31/12/2019 đến 31/12/2020

2.1.1. Biến động nhóm đất nông nghiệp:

Năm 2020, diện tích nhóm đất nông nghiệp biến động giảm 17,34 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

+ Đất sản xuất nông nghiệp biến động giảm 2,86 ha;

+ Đất lâm nghiệp biến động giảm 13,88 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản biến động giảm 0,6 ha.

2.1.2. Biến động nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2020, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp biến động tăng 17,61 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

2.1.3. Biến động về đất chưa sử dụng

Năm 2020, diện tích đất chưa sử dụng biến động giảm 0,26 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

2.2. Đánh giá tình hình biến động đất đai năm 2020

Qua kết quả thống kê đất đai từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 cho thấy tình hình đất đai trên địa bàn huyện có những biến động cụ thể sau:

2.2.1. Đất nông nghiệp:

2.2.1.1 Đất trồng lúa

Năm 2020, diện tích đất trồng lúa là 8.584,35 ha, giảm 0,37 ha so với năm

2019. Diện tích giảm để chuyển sang các loại đất:

- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,08 ha;
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 0,29 ha.

#### 2.2.1.2 Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2020, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 53.586,16 ha, giảm 1,75 ha so với năm 2019. Diện tích giảm để chuyển sang các loại đất:

- Đất ở đô thị: 0,03 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,05 ha;
- Đất an ninh: 0,61 ha;
- Đất có mục đích công cộng: 0,06 ha;

#### 2.2.1.3 Đất trồng cây lâu năm

Năm 2020, diện tích đất trồng cây lâu năm là 4.055,65 ha, giảm 0,75 ha so với năm 2019. Diện tích giảm do chuyển sang đất an ninh.

Diện tích giảm để thực hiện xây dựng trụ sở công an huyện Tuần Giáo.

#### 2.2.1.4. Đất lâm nghiệp

##### a) Đất rừng sản xuất

Năm 2020, diện tích đất rừng sản xuất là 9.348,71 ha, giảm 12,43 ha so với năm 2019. Diện tích giảm để chuyển sang các loại đất:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,81 ha;
- Đất có mục đích công cộng: 11,62 ha.

##### b) Đất rừng phòng hộ

Năm 2020, diện tích đất rừng phòng hộ là 33.945,14 ha, giảm 1,45 ha so với năm 2019. Diện tích giảm do chuyển sang đất có mục đích công cộng.

#### 2.2.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2020, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 404,32 ha, giảm 0,6 ha so với năm 2019. Diện tích giảm do chuyển sang đất an ninh.

#### 2.2.1.6. Đất nông nghiệp khác

Năm 2020, diện tích đất nông nghiệp khác là 95,99 ha, không biến động so với năm 2019.

### 2.2.2. Đất phi nông nghiệp

#### 2.2.2.1 Đất ở nông thôn

Năm 2020, diện tích đất ở tại nông thôn là 696,92 ha, không biến động so với năm 2019.

#### 2.2.2.2 Đất ở đô thị

Năm 2020, diện tích đất ở tại đô thị là 49,58 ha, giảm 0,02 ha so với năm 2019, diện tích giảm để chuyển sang các loại đất: Đất an ninh, đất có mục đích công cộng.

Diện tích giảm để thực hiện dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Tuần Giáo thuộc Công an tỉnh Điện Biên, công trình: Đường từ sân vận động - Huyện đội - QL6 và trận địa phòng không.

#### 2.2.2.3 Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2020, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 14,18 ha, tăng 2 ha so với năm 2019. Trong đó:

- Diện tích tăng 2 ha được lấy từ 0,08 ha đất trồng lúa, 1,05 ha đất trồng cây hàng năm khác, 0,81 ha đất rừng sản xuất, 0,01 ha đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, 0,03 ha đất bằng chưa sử dụng để thực hiện các dự án, công trình: Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã Nà Tông, xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã Quài Cang, Trụ sở và kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

#### 2.2.2.4 Đất quốc phòng

Năm 2020, diện tích đất quốc phòng là 13,66 ha, không biến động so với năm 2019.

#### 2.2.2.5 Đất an ninh

Năm 2020, diện tích đất an ninh là 3,7 ha, tăng 1,98 ha so với năm 2019.

Diện tích tăng 1,98 ha được lấy từ 0,61 ha đất trồng cây hàng năm khác, 0,75 ha đất trồng cây lâu năm, 0,6 ha đất nuôi trồng thủy sản, 0,02 ha đất ở tại đô thị để thực hiện công trình xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Tuần Giáo thuộc Công an tỉnh Điện Biên.

#### 2.2.2.6 Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Năm 2020, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp là 73,58 ha không thay đổi so với năm 2019.

#### 2.2.2.7 Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Năm 2020, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 194,94 ha, tăng 0,29 ha so với năm 2019. Diện tích 0,29 ha được lấy từ đất trồng lúa để xây dựng cây xăng dầu Thái Kiên.

#### 2.2.2.8 Đất có mục đích công cộng

Năm 2020, diện tích đất có mục đích công cộng là 654,15 ha, tăng 26,9 ha so với năm 2019. Diện tích tăng được lấy từ:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,06 ha;
- Đất rừng sản xuất: 11,62 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 1,46 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,03 ha;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch suối: 13,51 ha;
- Đất đồi núi chưa sử dụng: 0,23 ha.

Diện tích tăng để thực hiện công trình thủy điện Mùn Chung 2, thủy điện Long Tạo đợt 3, đường từ sân vận động - huyện đội - QL6 và Trần địa phòng không, đường từ bản Nà Sáy 1 đến Pa Cá xã Nà Sáy, mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa huyện Tuần Giáo thuộc dự án Thủy Điện Nậm Pay đợt 2.

#### 2.2.2.9 Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Năm 2020, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 121,58 ha, không biến động so với năm 2019.

#### 2.2.2.10 Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Năm 2020, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 305,9 ha, giảm 13,52 ha so với năm 2019. Diện tích giảm để thực hiện các công trình dự án Trụ sở và kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, Thủy điện Mùn Chung 2.

#### 2.2.2.11 Đất phi nông nghiệp khác

Năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,21 ha, không biến động so với năm 2019.

#### 2.2.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2020, diện tích đất chưa sử dụng là 1393,53 ha, giảm 0,26 ha so với năm 2019. Diện tích giảm 0,26 ha để thực hiện xây dựng công trình Thủy Điện Mùn Chung 2, trụ sở và kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

*(Chi tiết tại Biểu 12/TKDD, 14/TKDD kèm theo)*

### **3. Kết luận và kiến nghị**

#### 3.1. Kết luận

Công tác thống kê đất đai hàng năm là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời về diện tích các loại đất, đối tượng sử dụng đất tại thời điểm thống kê. Thông qua công tác thống kê đất đai mỗi cấp đều đánh giá được kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đồng thời trên cơ sở đó tiến hành hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và có biện pháp xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các năm tiếp theo.

Việc thống kê đất đai năm 2020 của huyện Tuần Giáo đã thực hiện đạt kết quả theo đúng mục đích, nội dung, phương pháp theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Sản phẩm thống kê đất đai năm 2020 được thực hiện từ cấp xã là những số liệu được điều tra kết hợp với số liệu qua các kỳ kiểm kê, thống kê đất đai hàng

năm, giao đất, thu hồi đất, nên có độ chính xác và tin cậy; diện tích các loại đất của cấp huyện được tổng hợp từ diện tích cấp xã nên đã phản ánh trung thực hiện trạng sử dụng đất của từng đơn vị hành chính trong huyện.

### 3.2. Kiến nghị

Để công tác thống kê, kiểm kê đất đai đạt hiệu quả hơn nữa, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục mở các khoá tập huấn chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao công tác thống kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo./.

***Nơi nhận:***

- Sở TNMT;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**